TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày 10/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Thanh Bắc.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh

Ông Tẩn A Nao

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Tính - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HS ngày 27/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Liềm Thị L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ;

Sinh ngày 23/3/1969; Tại: huyện TU, tỉnh Lai Châu;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản PH, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Liềm Văn P (đã chết); con bà: Lù Thị P2 (đã chết); có chồng là: Quàng Văn S, sinh năm 1970; có 05 con (con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2005; gia đình bị cáo có 04 anh chị, em, bị cáo là con thứ bốn; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo Liềm Thị L bị tạm giữ từ ngày 06/3/2023 đến ngày 15/3/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu đến nay "có mặt".

Người phiên dịch cho bị cáo: Nông Thị L2, sinh năm: 1992 – Trú tại: Bản HN, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu "có mặt".

Người bào chữa cho bị cáo Liềm Thị L :

Ông Nguyễn Công Hưởng – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 9/2022, Liềm Thị L (SN: 23/3/1969, trú tại: bản PH, xã BB, huyện TĐ) đi làm nương ở gần nhà thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông không rõ lai lịch. Qua nói chuyện, L xin của người đàn ông đó 01 quả thuốc phiện khô, mục đích để trồng cây thuốc phiện lấy nhựa làm thuốc chữa bệnh. Vài ngày sau, L lấy hạt trong quả thuốc phiện gieo trên vườn sau nhà. Từ tháng 01/2023, cây thuốc phiện có quả, L bắt đầu thu hoạch nhựa bằng cách lấy một chiếc kim khâu rạch 02 đến 03 đường dọc trên các quả thuốc phiện. Sau đó, L lấy một chiếc thìa bằng kim loại cạo nhựa chảy ra trên quả thuốc phiện đem phơi khô. Số thuốc phiện thu hoạch được, một phần L gói lại bằng mảnh nilon màu xanh rồi cất giấu trong chiếc ví giả da để ở rổ đựng quần áo, một phần L gói lại bằng mảnh nilon màu trắng cất giấu trong túi vải thổ cẩm treo ở cuối giường ngủ, không cho ai biết. Hồi 11 giờ 30 phút ngày 06/3/2023, Liềm Thị L đang ở nhà tại bản PH, xã BB, huyện TĐ thì bị Công an xã BB bắt quả tang về hành vi "Sản xuất trái phép chất ma túy", L tự giác lấy 02 gói thuốc phiện, 01 ví nhựa giả da và 01 túi vải thổ cẩm giao nộp. Công an xã BB thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TĐ tiến hành khám xét khẩn cấp, khám nghiệm hiện trường nơi L trồng cây thuốc phiện. Quá trình khám xét thu giữ 01 chiếc kim khâu, 01 chiếc thìa bằng kim loại; quá trình khám nghiệm hiện trường phát hiện thu giữ 40 cây thuốc phiện trồng sau nhà L.

Tại bản Kết luận giám định số 27 ngày 06/3/2023 của người giám định tư pháp theo vụ việc kết luận: số chất nhựa màu nâu có mùi hắc thu giữ của Liềm Thị L có tổng khối lượng là 3,38gam.

Tại bản Kết luận giám định số 283 ngày 08/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 02 mẫu chất chất dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc gửi giám định là ma túy, loại: thuốc phiện.

Tại bản kết luận giám định số 1689 ngày 14/3/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: bốn mươi cây thực vật gửi giám định đều là cây thuốc phiện (Anh túc, A phiến)

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSTĐ, ngày 22/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ truy tố bị cáo Liềm Thị L về tội "Sản xuất trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận và bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ đánh giá như sau: Quá trình điều tra, truy tố, đối với bị cáo Liềm Thị L giữ nguyên quyết định truy tố về tội "Sản xuất trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Liềm Thị L phạm tội "Sản xuất trái phép chất ma túy".

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 248; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Liềm Thị L từ

27 tháng đến 33 tháng tù về tội "Sản xuất trái phép chất ma túy"; bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo theo qui định tại khoản 5 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- Một phong bì công văn do Công an huyện TĐ phát hành niêm phong lại bằng cách dán kín các mép dán phong bì bằng tờ giấy niêm phong màu trắng từ mặt sau ra mặt trước phong bì. Trên các mép dán của mảnh giấy niêm phong có các chữ ký và ghi rõ họ tên của: Lò Văn Quốc, Phan Văn Huỳnh, Bùi Thị Tính, Nguyễn Sỹ Bách, Sý Văn Ớn và điểm chỉ ngón trỏ phải của Liềm Thị L. Mặt trước phong bì ghi: "Mẫu vật còn lại khối lượng 1,72 gam cùng phong bì niêm phong, mảnh nilon màu trắng và mảnh nilon màu xanh gói vật chứng ban đầu thu giữ của Liềm Thị L, sinh năm 1969, trú tại Bản PH, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu ngày 06/3/2023". Trên mép dán của tờ giấy niêm phong ở bốn góc mặt trước phong bì đóng bốn hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ;

- 01 chiếc ví giả da hình chữ nhật màu đen kích thước 11cm x 20 cm, có dây đeo màu đen;

- 01 chiếc túi thổ cẩm hình chữ nhật, kích thước 11cm x 18cm có họa tiết hoa văn, túi có hai khóa kéo và dây đeo đều màu đen;

- 01 chiếc thìa kim loại dài 8,5cm, phần rộng nhất 4,5cm, màu sáng ánh kim, phần dưới của thìa dính chất nhựa màu nâu;

- 01 chiếc kim khâu dài 4,6cm, phần mũi kim màu đen có dấu hiệu han gỉ, lỗ kim có xỏ một đoạn chỉ đen.

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Liềm Thị L được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Liềm Thị L đã phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án, hành vi, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhất thời phạm tội, không biết chữ, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, mục đích bị cáo trồng cây thuốc phiện để lấy nhựa chữa đau tay, khi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện giao nộp số thuốc phiện. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 248; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt; Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với quan điểm của người bào chữa là áp đụng Điều 50 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa tương xứng với mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo Liềm Thị L không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Liềm Thị L xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo; tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra bị cáo Liềm Thị L đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo đều phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 3/2023, tại bản PH, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, Liềm Thị L đã thực hiện hành vi trồng 40 cây thuốc phiện để sản xuất 3,38 gam nhựa thuốc phiện. Hồi 11 giờ 30 phút ngày 06/3/2023, Liềm Thị L đang ở nhà tại bản PH, xã BB, huyện TĐ thì bị Công an xã BB bắt quả tang về hành vi "Sản xuất trái phép chất ma túy", vật chứng thu giữ là 3,38 gam nhựa thuốc phiện. Ngay sau đó, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, phát hiện thu giữ 40 cây thuốc phiện trồng trên vườn sau nhà Liềm Thị L. Bị cáo Liềm Thị L là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì thiếu hiểu biết về pháp luật, muốn trồng thuốc phiện lấy nhựa để chữa đau tay nên đã thúc đẩy bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình gây ra. Căn cứ đề nghị của

Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về phần dân sự: Không.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là chưa tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức án mà người bào chữa đề nghị chưa đủ để giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, do đó chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn so với mức án đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với người đàn ông cho Liềm Thị L quả thuốc phiện khô, L khai không rõ lai lịch cho nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với Quàng Văn Sỹ (chồng Liềm Thị L), Quàng Văn Lún (em chồng L) là người cho vợ chồng L mượn diện tích đất vườn từ năm 1995. Quá trình điều tra xác định, trong thời gian L sản xuất trái phép chất ma túy, Sỹ không ở nhà nên không biết việc L trồng cây thuốc phiện và thu hoạch nhựa thuốc phiện, Lún cũng không biết việc L trồng cây thuốc phiện trên diện tích đất cho mượn. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Quàng Văn Sỹ, Quàng Văn Lún là đúng quy định.

[3] Vật chứng:

Đối với: Một phong bì công văn do Công an huyện TĐ phát hành niêm phong lại bằng cách dán kín các mép dán phong bì bằng tờ giấy niêm phong màu trắng từ mặt sau ra mặt trước phong bì. Trên các mép dán của mảnh giấy niêm phong có các chữ ký và ghi rõ họ tên của: Lò Văn Quốc, Phan Văn Huỳnh, Bùi Thị Tính, Nguyễn Sỹ Bách, Sý Văn Ớn và điểm chỉ ngón trỏ phải của Liềm Thị L. Mặt trước phong bì ghi: "Mẫu vật còn lại khối lượng 1,72 gam cùng phong bì niêm phong, mảnh nilon màu trắng và mảnh nilon màu xanh gói vật chứng ban đầu thu giữ của Liềm Thị L, sinh năm 1969, trú tại Bản PH, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu ngày 06/3/2023". Trên mép dán của tờ giấy niêm phong ở bốn góc mặt trước phong bì đóng bốn hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ; 01 chiếc ví giả da hình chữ nhật màu đen kích thước 11cm x 20 cm, có dây đeo màu đen; 01 chiếc túi thổ cẩm hình chữ nhật, kích thước 11cm x 18cm có họa tiết hoa văn, túi

có hai khóa kéo và dây đeo đều màu đen; 01 chiếc thìa kim loại dài 8,5cm, phần rộng nhất 4,5cm, màu sáng ánh kim, phần dưới của thìa dính chất nhựa màu nâu; 01 chiếc kim khâu dài 4,6cm, phần mũi kim màu đen có dấu hiệu han gỉ, lỗ kim có xỏ một đoạn chỉ đen. Đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có tài sản gì đáng giá nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 248 Bộ luật hình sự.

[5] Án phí:

Áp dụng điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn án phí. Xét thấy bị cáo Liềm Thị L thuộc trường hợp miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 248; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Liềm Thị L phạm tội "Sản xuất trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Liềm Thị L 25 (hai mươi lăm) tháng tù. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/3/2023 đến ngày 15/3/2023 là 09 (chín) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 24 (hai mươi bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì công văn do Công an huyện TĐ phát hành niêm phong lại bằng cách dán kín các mép dán phong bì bằng tờ giấy niêm phong màu trắng từ mặt sau ra mặt trước phong bì. Trên các mép dán của mảnh giấy niêm phong có các chữ ký và ghi rõ họ tên của: Lò Văn Quốc, Phan Văn Huỳnh, Bùi Thị Tính, Nguyễn Sỹ Bách, Sý Văn Ớn và điểm chỉ ngón trỏ phải của Liềm Thị L. Mặt trước phong bì ghi: "Mẫu vật còn lại khối lượng 1,72 gam cùng phong bì niêm phong, mảnh nilon màu trắng và mảnh nilon màu xanh gói vật chứng ban đầu thu giữ của Liềm Thị L, sinh năm 1969, trú tại Bản PH, xã BB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu ngày 06/3/2023". Trên mép dán của tờ giấy niêm phong ở bốn góc mặt trước phong bì đóng bốn hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện TĐ;

01 chiếc ví giả da hình chữ nhật màu đen kích thước 11cm x 20 cm, có dây đeo màu đen; 01 chiếc túi thổ cẩm hình chữ nhật, kích thước 11cm x 18cm có họa tiết hoa văn, túi có hai khóa kéo và dây đeo đều màu đen; 01 chiếc thìa kim loại dài 8,5cm, phần rộng nhất 4,5cm, màu sáng ánh kim, phần dưới của thìa dính chất nhựa màu nâu; 01 chiếc kim khâu dài 4,6cm, phần mũi kim màu đen có dấu hiệu han gỉ, lỗ kim có xỏ một đoạn chỉ đen.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 23/6/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TĐ với Chi Cục thi hành án dân sự huyện TĐ).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Liềm Thị L.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TĐ;
- Chi Cục THADS huyện TĐ;
- Công an huyện TĐ(CQĐT, CQTHAHS, nhà tạm giữ);
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Thanh Bắc